

KẾ HOẠCH

Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 – 2030; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 và Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo; Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 và Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) để UBND các xã, phường; các sở, ngành của tỉnh đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đã được UBND tỉnh giao năm 2026.

- Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 (viết tắt là Nghị định số 351/2025/NĐ-CP) để làm cơ sở cho các cấp, các ngành và địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội giảm nghèo bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2027 và giai đoạn 2027 - 2030.

2. Yêu cầu

- Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phải thật sự khách quan, bảo đảm tính chính xác, công khai, minh bạch; tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát, đồng thời mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

- Tiến hành từng bước, đúng quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. Việc rà soát phải thực hiện từ thôn, làng, tổ dân phố; xã, phường; khi rà soát thu thập thông tin phải chính xác và đầy đủ, không được bỏ sót các chỉ tiêu của phiếu rà soát, đặc biệt là phải tính toán đúng, đủ theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều, để đánh giá đúng thực trạng từng hộ tại cơ sở, nhằm có các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội phù hợp cho từng nhóm đối tượng.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Tiêu chí

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 được quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 được quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng, phạm vi

- Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú số 68/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

3. Phương pháp rà soát

3.1. Phương pháp rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ

nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP.

3.2. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm Đ) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sau đây gọi là số thiếu hụt TH) của hộ gia đình.

- Điểm Đ được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (viết tắt là Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT); được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Công tác rà soát bảo đảm công khai, minh bạch trên cơ sở tổ chức họp dân để lấy ý kiến kết quả rà soát và mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện.

4. Thời gian thực hiện rà soát

- Rà soát định kỳ hằng năm: Thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

- Rà soát trong năm: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

III. QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025

1.1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập danh sách hộ gia đình cần rà soát:

- Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm rà soát;

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg).

1.2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

a) Tổ chức rà soát

- Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Phòng chuyên môn cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, làng, khu phố (viết tắt là thôn) lập danh sách và sử dụng Phiếu A Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (viết tắt là Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp hộ có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát;

- Danh sách cần rà soát được lập theo Phụ lục I Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III (gồm: Phiếu B1 và Phiếu B2) Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình;

- Tham khảo Phụ lục IV Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn sử dụng Phiếu A, Phiếu B.

b) Phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả rà soát, thu thập thông tin

UBND cấp xã tổ chức xác định và phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả rà soát, thu thập thông tin từ phiếu B:

- Hộ nghèo: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: Hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

1.3. Tổ chức họp lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Thành phần cuộc họp: Đại diện Lãnh đạo UBND xã; Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã; Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư chi bộ thôn, đoàn thể, người thực hiện rà soát và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

- Nội dung: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát và lấy ý kiến kết quả rà soát lại (theo quy trình nêu trên).

- Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Kết quả cuộc họp lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện các hộ dân (01 bản lưu thôn, 01 bản gửi UBND cấp xã).

1.4. Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, UBND cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Phòng chuyên môn cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

1.5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh

- Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện trả lời bằng văn bản đối với báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường), quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg và phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

1.7. Tổng hợp, báo cáo

Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp báo cáo kết quả sơ bộ, chính thức trên địa bàn cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp theo Mẫu số 7.1, Mẫu số 7.2, Mẫu số 7.3, Mẫu số 7.4, Mẫu số 7.5, Mẫu số 7.6, Mẫu số 7.7, Mẫu số 7.11 tại Phụ lục VII Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH và các Mẫu số 7.8, Mẫu số 7.9, Mẫu số 7.10 tại Phụ lục VII Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

2. Quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

2.1. Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
- + Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát;
- + Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch UBND cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực

tuyển hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát.

2.2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Lập Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

2.3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố (chủ trì); đại diện UBND cấp xã, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

+ Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định.

+ Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; 01 biên bản gửi UBND cấp xã, 01 biên bản Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lưu.

2.4. Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố, Cổng thông tin điện tử cấp xã và qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở UBND xã và tại thôn, tổ dân phố.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát.

2.5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31 tháng 12. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở UBND cấp xã và tại thôn, tổ dân phố.

2.6. Tổng hợp, báo cáo

Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

3. Quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030

3.1. Lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát

Trên cơ sở đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm của hộ gia đình theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu A để rà soát, lập danh sách hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và hộ có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09; lập Danh sách rà soát hộ thoát nghèo đối với hộ có đề nghị rà soát, công nhận hộ thoát nghèo.

3.2. Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại Tiểu mục 2.2 Mục 2 quy trình rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ của Kế hoạch này.

3.3. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát theo quy định tại Tiểu mục 2.3 Mục 2; niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát, phân loại theo quy định tại Tiểu mục 2.4 Mục 2 Kế hoạch này.

3.4. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại Tiểu mục 2.5 Mục 2 Kế hoạch này; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.5. Trường hợp đột xuất (xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác; phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12) thì thời gian rà soát, danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch UBND xã quyết định.

Các bước rà soát, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Tiểu mục 2.1 – 2.5 Mục 2.

3.6. Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Thời hạn báo cáo

1.1. Cấp xã

- Báo cáo kết quả sơ bộ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/10/2026.

- Báo cáo kết quả chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Chủ tịch UBND tỉnh (gửi 01 bản cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung của tỉnh) trước ngày 22/11/2026.

- Trường hợp có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh khi rà soát trong năm: Trước ngày 05 hằng tháng, Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát.

- Trường hợp đột xuất theo quy định tại Tiểu mục 3.5 Mục 3 thì báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

- Ứng dụng công nghệ thông tin triển khai phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

1.2. Cấp tỉnh

- Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi báo cáo sơ bộ về UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10/11/2026.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 10/12/2026.

- Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo chính thức hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12/2026.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

- Ứng dụng công nghệ thông tin triển khai phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

- Tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 đến Nhân dân và các cấp chính quyền, nhất là cấp thôn để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Tổ chức lực lượng thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Sử dụng phần mềm dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Gia Lai (*phiên bản trên máy vi tính hoặc trên thiết bị di động tại địa chỉ: <https://gialai.vnptasxh.vn>*) trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương.

- Xuất dữ liệu từ phần mềm hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Gia Lai (*tại địa chỉ: <https://gialai.vnptasxh.vn>*) để cập nhật kết quả rà soát vào hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*tại địa chỉ: <https://csdlhn.mae.gov.vn>*).

2. Cấp tỉnh

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát, quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- Chủ trì, kiểm tra, đôn đốc hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh.

2.2. Sở Tài chính

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan về kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.3. Sở Y tế

- Chủ trì hướng dẫn chuyên môn về chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng; chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: tiêu chuẩn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp phối hợp với UBND cấp xã trong việc cung cấp, đối chiếu thông tin về tình trạng đi học của trẻ em, trình độ giáo dục của người lớn và các thông tin thuộc lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc xác định các chỉ số thiếu hụt thuộc lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.5. Sở Xây dựng

Chủ trì hướng dẫn các địa phương về chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở trong việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn theo quy định. Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hướng dẫn các địa phương về chiều thiếu hụt thông tin - chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản trong việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn theo quy định. Thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.7. Các sở, ngành: Dân tộc và Tôn giáo, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và các tầng lớp Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

2.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

- Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tầng lớp Nhân dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo về mục đích, ý nghĩa việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 nhằm nâng cao nhận thức và sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Chỉ đạo các tổ chức thành viên, Ban Công tác Mặt trận khu dân cư thực hiện giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa phương theo quy định của pháp luật về giám sát và phản biện xã hội. Bảo đảm quy trình rà soát được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng và đúng thời gian quy định.

- Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại địa bàn được phân công theo dõi.

3. Viễn thông Gia Lai (VNPT Gia Lai)

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn UBND xã, phường cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Gia Lai; tham gia kiểm tra, đánh giá kết quả rà soát, cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa phương.

- Tích hợp biểu mẫu báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cho phép tải khoản cấp xã xuất dữ liệu từ phần mềm hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Gia Lai để phục vụ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(Đính kèm Phụ lục phân công các cơ quan, đơn vị theo dõi địa bàn)

Trên đây là Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan có liên quan phối hợp, thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở: NNMT, TC, GDĐT, XD, KHCN, DTTG, Y tế;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Viễn thông Gia Lai;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

PHỤ LỤC

**Danh sách phân công theo dõi công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo
của các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Sở, ngành phụ trách	Số xã, phường phụ trách	Danh sách xã, phường theo dõi
I	Ủy ban MTTQ tỉnh	11 xã	
1		1	Xã Cát Tiến
2		2	Xã Đê Gi
3		3	Xã Hoà Hội
4		4	Xã Hội Sơn
5		5	Xã Ia Ly
6		6	Xã Chư Păh
7		7	Xã Ia Khuol
8		8	Xã Ia Phí
9		9	Xã Ia Grai
10		10	Xã Ia Krái
11		11	Xã Ia Hrug
II	Sở Nông nghiệp và Môi trường	11 xã	
12		1	Xã An Hòa
13		2	Xã An Lão
14		3	Xã An Vinh
15		4	Xã An Toàn
16		5	Xã Canh Liên
17		6	Ia O
18		7	Ia Chía
19		8	Ia Dom
20		9	Ia Pnôn
21		10	Ia Nan
22		11	Ia Puch
III	Sở Dân tộc và Tôn giáo	11 xã	
23		1	Xã Vĩnh Thạnh
24		2	Xã Vĩnh Thịnh
25		3	Xã Vĩnh Quang
26		4	Xã Vĩnh Sơn
27		5	Xã Ya Hội
28		6	Xã Kông Chro
29		7	Xã Ya Ma
30		8	Xã Chư Krey
31		9	Xã SRó
32		10	Xã Đăk Song
33		11	Xã Chơ Long

IV	Sở Giáo dục và Đào tạo	11 xã	
34		1	Xã Hoài Ân
35		2	Xã Ân Tường
36		3	Xã Kim Sơn
37		4	Xã Vạn Đức
38		5	Xã Ân Hảo
39		6	Xã Nhơn Châu
40		7	Xã Vân Canh
41		8	Xã Phú Túc
42		9	Xã Ia Dreh
43		10	Xã Ia Rsai
44		11	Xã Uar
V	Chi nhánh ngân hàng CSXH tỉnh	11 xã, phường	
45		1	Phường Quy Nhơn
46		2	Phường Quy Nhơn Đông
47		3	Phường Quy Nhơn Nam
48		4	Xã Mang Yang
49		5	Xã Lơ Pang
50		6	Xã Kon Chiêng
51		7	Xã Hra
52		8	Xã Ayun
53		9	Xã Chư Pưh
54		10	Xã Ia Le
55		11	Xã Ia Hnú
VI	Sở Y tế	11 xã	
56		1	Xã Tây Sơn
57		2	Xã Bình Hiệp
58		3	Xã Bình An
59		4	Xã Kbang
60		5	Xã Kông Bơ La
61		6	Xã Tơ Tung
62		7	Xã Sơn Lang
63		8	Xã Đak Rong
64		9	Xã Krong
65		10	Xã Biển Hồ
66		11	Xã Gào
VII	Sở Tài chính	10 xã, phường	
67		1	Phường Bình Định
68		2	Phường An Nhơn
69		3	Phường An Nhơn Đông
70		4	Xã An Nhơn Tây
71		5	Xã An Nhơn Nam
72		6	Phường An Nhơn Bắc
73		7	Phường An Khê
74		8	Phường An Bình
75		9	Xã Cửu An

76		10	Xã Đak Pơ
VIII	Sở Khoa học và Công nghệ	10 xã, phường	
77		1	Phường Quy Nhơn Tây
78		2	Phường Quy Nhơn Bắc
79		3	Xã Canh Vinh
80		4	Xã Chư Prông
81		5	Xã Bàu Cạn
82		6	Xã Ia Boòng
83		7	Xã Ia Lâu
84		8	Xã Ia Pia
85		9	Xã Ia Tôr
86		10	Ia Mơ
IX	Sở Xây dựng	10 xã	
87		1	Xã Tuy Phước
88		2	Xã Tuy Phước Đông
89		3	Xã Tuy Phước Tây
90		4	Xã Tuy Phước Bắc
91		5	Xã Phú Thiện
92		6	Xã Chư A Thai
93		7	Xã Ia Hiao
94		8	Xã Pờ Tó
95		9	Xã Ia Pa
96		10	Xã Ia Tul
X	Bảo hiểm xã hội tỉnh	10 xã	
97		1	Xã Phù Cát
98		2	Xã Xuân An
99		3	Xã Ngô Mỹ
100		4	Xã Bình Khê
101		5	Xã Bình Phú
102		6	Xã Đăk Đoa
103		7	Xã Kon Gang
104		8	Xã Ia Băng
105		9	Xã KDang
106		10	Xã Đăk Somei
XI	Tỉnh Đoàn	10 xã, phường	
107		1	Phường Tam Quan
108		2	Phường Hoài Nhơn Bắc
109		3	Phường Hoài Nhơn Đông
110		4	Phường Hoài Nhơn Tây
111		5	Phường Ayun Pa
112		6	Xã Ia Rbol
113		7	Xã Ia Sao
114		8	Phường Thống Nhất
115		9	Phường Diên Hồng
116		10	Phường An Phú

XII	Hội Nông dân tỉnh	10 xã, phường	
117		1	Phường Bồng Sơn
118		2	Phường Hoài Nhơn
119		3	Phường Hoài Nhơn Nam
120		4	Xã Đức Cơ
121		5	Xã Ia Dok
122		6	Xã Ia Krêl
123		7	Xã Chư Sê
124		8	Xã Bờ Ngoong
125		9	Xã Ia Ko
126		10	Xã AlBá
XIII	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	09 xã, phường	
127		1	Xã Phù Mỹ
128		2	Xã Phù Mỹ Nam
129		3	Xã An Lương
130		4	Xã Bình Dương
131		5	Xã Phù Mỹ Đông
132		6	Xã Phù Mỹ Tây
133		7	Xã Phù Mỹ Bắc
134		8	Phường Pleiku
135		9	Phường Hội Phú